

Về tình hình nghiên cứu nghèo đói ở nước ta trong thời kỳ đổi mới

LÊ PHƯỢNG

Quá trình Đổi mới hơn mười năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng đã làm thay đổi diện mạo kinh tế, xã hội và văn hóa ở nước ta. Nền kinh tế đã có sự tăng trưởng khá nhanh. Nhiều lĩnh vực đời sống xã hội có bước chuyển biến tiến bộ. Tuy nhiên, "*Hậu quả tất yếu của quá trình chuyển mạnh sang kinh tế thị trường là sự phân tầng mức sống giàu - nghèo*"¹. Và như vậy, cùng với hàng loạt vấn đề nảy sinh trong thời kỳ đổi mới, phân hóa "giàu-nghèo" đã trở thành một chủ đề nghiên cứu, được tranh luận nhiều ở Việt Nam, đặc biệt là các quan niệm về nghèo đói đối với khu vực nông thôn.

Thực ra, vấn đề nghèo đói và xóa đói giảm nghèo từ lâu đã là mối quan tâm không chỉ đối với các nước chậm phát triển, nó đã trở thành vấn đề toàn cầu kể cả ở các nước được đánh giá là giàu và có nền công nghiệp phát triển cao. Hàng năm, các báo cáo của các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới, Oxfam quốc tế, Liên hợp quốc... đều đưa ra những báo cáo về tình trạng nghèo khổ trên thế giới, gợi ý những biện pháp thiết thực giúp các quốc gia tiến hành có hiệu quả các chính sách kinh tế-xã hội nhằm xóa đói giảm nghèo.

Ở nước ta, những nghiên cứu về vấn đề nghèo đói được tiến hành từ những năm đầu của thập niên 90. Những cuộc hội thảo khoa học và những nghiên cứu thực nghiệm do các cơ quan nghiên cứu thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, các Tổ chức Quốc tế tại Việt Nam và một số cơ quan khác đã dần dần phác họa bức tranh toàn cảnh về tình hình chính trị, kinh tế - văn hóa - xã hội của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Những quan điểm nghiên cứu về giàu nghèo cũng được thể hiện qua một số ấn phẩm về vấn đề này.

1. Khái niệm nghèo đói và những quan điểm nghiên cứu

Đến nay, khái niệm về đói nghèo vẫn còn được hiểu một cách chưa thống nhất bởi một loạt tiêu chí về chất và lượng.

"Giàu" và "nghèo" là hai khái niệm đối ngược nhau. *Theo từ điển tiếng Việt, khái niệm "giàu" dùng để chỉ những cá nhân, những hộ gia đình có nhiều tiền, nhiều tài sản so với mức bình thường. Còn "nghèo" là tình trạng không có hoặc có rất ít tiền bạc, của cải dùng để duy trì ở mức tối thiểu nhu cầu đời sống vật chất, trái với "giàu".*

¹ Tô Duy Hợp: *Thực trạng và xu hướng biến đổi cơ cấu nông thôn trong thời kỳ đổi mới hiện nay*, Tạp chí Xã hội học số 4 - 1993

Theo quan điểm của Ngân hàng thế giới, người nghèo, được hiểu một cách khái quát bao gồm những người đang sống ở dưới "mức nghèo" (Poverty line). Trong khi đó ngành Lao động Thương binh Xã hội nước ta đã coi những hộ có thu nhập bình quân dưới 20 kg gạo/người/ tháng, tương ứng với 55.000đ/ người/ tháng là những hộ nghèo (Nguyễn Thị Hằng và Nguyễn Văn Thiều, 1993).

Nghiên cứu của Công ty ADUKI về "*Vấn đề nghèo ở Việt Nam*" đã đề cập đến tính đa dạng của những định nghĩa khác nhau về cái nghèo đang được sử dụng tại Việt Nam:

* Sử dụng 1 chỉ số so sánh, như thu nhập hoặc chỉ tiêu quy ra đơn vị lương thực hoặc đơn vị tiền tệ hoặc đơn vị năng lượng:

- *Lấy lương thực làm cơ sở (chẳng hạn lương thực mà gia đình hoặc những người thiếu lương thực (gạo) tiêu thụ trong một tháng), ví dụ các tài liệu của Bộ Nông nghiệp, Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội...*

- *Lấy thu nhập mỗi tháng hoặc mỗi năm làm cơ sở, ví dụ các tài liệu của Tổng cục Thống kê.*

- *Lấy tài sản kết hợp với thu nhập làm cơ sở (các chỉ dẫn về đánh giá + các chỉ dẫn về phân tích), ví dụ các tài liệu của Tổng cục Thống kê.²*

* Hoặc dựa trên một hệ thống các tiêu thức về các chỉ số phát triển con người như thu nhập bình quân đầu người, tuổi thọ bình quân, trình độ học vấn, ... như tổ chức Liên hợp quốc vẫn sử dụng để từ đó đề ra một chỉ tiêu tổng hợp phân định nước giàu, nước nghèo. Trên thế giới có nhiều cách xác định khác nhau, ví dụ ấn độ xác định bằng lượng Calo tối thiểu cần thiết cho con người tồn tại, còn phần lớn các nước xác định bằng "mức thu nhập đủ sống tối thiểu".

Hiện nay trên thế giới và ở Việt Nam, khái niệm về nghèo đói có sự khác biệt đáng kể: Một số tác giả cho rằng, nghèo thường đi đôi với đói và *thiếu đói* được hiểu là tình trạng của một số bộ phận dân cư có mức sống dưới tối thiểu, chỉ đủ khả năng đảm bảo có được mức lương thực bữa đói bữa no và có những khi dứt bữa một hoặc hai, ba tháng. Trong bộ phận dân cư thiếu đói, có bộ phận thiếu thốn và cực khổ nhất: tức những người "*đói gay gắt*"³. Đói gay gắt: là tình trạng của một bộ phận dân cư có mức sống dưới mức tối thiểu, đói ăn, dứt bữa từ trên 3 tháng trở lên⁴. Tác giả Nguyễn Văn Thiều thì quan niệm "*đói gay gắt*" là thu nhập dưới 8 kg gạo/đầu người/tháng⁵ (1994)

Quan niệm của các tổ chức Liên hợp quốc, nghèo đói được hiểu theo hai nghĩa: "*nghèo tuyệt đối*" và "*nghèo tương đối*".

Nghèo tuyệt đối là tình trạng của một bộ phận dân cư không có khả năng thoả mãn các nhu cầu tối thiểu nhằm duy trì cuộc sống như nhu cầu ăn, mặc, ở, vệ sinh, y tế, giáo dục. **Nghèo tương đối** là tình trạng của bộ phận dân cư mức sống dưới trung bình của cộng đồng cư trđđược xem xét.

² *Vấn đề nghèo ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996. tr.26

³ *Phụ nữ nghèo nông thôn trong điều kiện kinh tế thị trường*, Trung tâm nghiên cứu khoa học về phụ nữ và gia đình, PTS. Đỗ Thị Bình, Lê Ngọc Lan, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà nội 1996, tr 33

⁴ Sđd, tr. 33

⁵ Nguyễn Văn Thiều "*Ước lượng diễn biến nghèo đói nghèo ở nước ta từ năm 1960 đến nay trong Đói nghèo Hiện trạng và giải pháp*", Hà Nội 1994, tr. 28

Chính vì sự khác biệt về quan niệm trong quá trình nghiên cứu nên việc xác định nghèo đói đang gây ra những mâu thuẫn và tranh cãi. Các chỉ báo về vấn đề này được nêu trong các ấn phẩm có những khác biệt đáng kể. Trong một tài liệu gần đây nhất, các tác giả Nguyễn Bình Dương và Đinh Hiền Trinh đã góp phần khái quát điều này trên cơ sở xác định những chỉ tiêu nghiên cứu nghèo đói.⁶

Theo các tác giả nêu trên, chỉ tiêu của Ngân hàng Thế giới đưa ra ngưỡng nghèo cho Việt Nam là mức chi tiêu cần thiết cho hộ gia đình mua đủ lương thực và thực phẩm cung cấp 2.100 calo bình quân một người một ngày vào thời điểm năm 1995, với giả định là hộ dành 70% tổng chi tiêu cho lương thực thực phẩm. Số phần trăm còn lại của chi tiêu được giả định cho các khoản như mặc, sức khoẻ, giáo dục và đi lại. Như vậy có thể hiểu chỉ tiêu đánh giá nghèo đói và hộ nghèo đói được chia ra thành chỉ tiêu chính và chỉ tiêu phụ. Chỉ tiêu chính là thu nhập bình quân nhân khẩu một tháng (hoặc năm) được đo lường bằng chỉ tiêu giá trị hoặc hiện vật quy đổi. Chỉ tiêu phụ là dinh dưỡng bữa ăn, nhà ở, mặc và các điều kiện học tập, chữa bệnh đi lại.

Cũng theo các tác giả trên, chỉ tiêu của Tổng cục Thống kê đưa ra năm 1993 để đánh giá một hộ gia đình là nghèo nếu thu nhập không đủ mua gạo cung cấp 2100 calo bình quân một ngày một người do đó không cho phép chi tiêu về khoản phi lương thực thực phẩm, vì vậy ngưỡng nghèo khổ thấp hơn so với ngưỡng của Ngân hàng Thế giới. Tính toán về tỉ lệ nghèo đói vì thế cũng thấp hơn và được phân biệt giữa:

Các hộ gia đình nghèo ở nông thôn có thu nhập bình quân đầu người dưới 50.000 đồng bình quân một tháng; và các hộ gia đình cực nghèo có thu nhập bình quân đầu người thấp hơn 25.210 đồng một tháng

Các hộ gia đình nghèo ở thành thị là những hộ có thu nhập bình quân một người dưới 70.000đ một tháng và các hộ cực nghèo có thu nhập bình quân một người: dưới 42.140 đồng một tháng⁷

Dựa trên kết quả thực hiện một khảo sát giàu nghèo thu thập số liệu từ 91.732 hộ gia đình năm 1993, Tổng cục Thống kê xác định có 20% hộ nghèo. Điều tra đa mục tiêu do Tổng cục Thống kê thực hiện năm 1994 sử dụng định nghĩa tương tự về nghèo đói và thấy có 17,8% các hộ gia đình năm đó là nghèo.

Từ những cách tiếp cận khác nhau về xác định tiêu chí nghèo đói như đã nói ở trên dẫn đến tỷ lệ nghèo đói ở nước ta trong các công trình nghiên cứu thời gian qua cũng chưa được thống nhất. Nếu như số liệu của Ngân hàng Thế giới dựa theo chỉ tiêu nhu cầu Calo tính theo đầu người như đã nói ở trên, tức là 2.100 calo, đồng thời cũng tính đến việc thay đổi giá cả theo từng vùng của một số nhóm hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu thì ở Việt Nam có tới 51% dân số được xếp vào loại nghèo. Còn theo các tài liệu khác thì số liệu tổng quát về người nghèo cơ bản là thấp hơn nhiều. Có tài liệu cho là 20% (Báo cáo quốc gia của Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về phát triển xã hội tại Copenhagen từ ngày 6 đến 12/3/1995, tr.15); có tài liệu cho là từ 20-50% (Thời báo kinh tế Việt Nam số 47 tháng 1/1995); còn phần lớn tài liệu đánh giá từ 20-40%⁸.

⁶ *Hộ gia đình Việt Nam nhìn qua phân tích định lượng*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 134

⁷ Sách đã dẫn, tr.135

⁸ *Xem Phụ nữ nghèo nông thôn trong điều kiện kinh tế thị trường*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.39

Duy có một vấn đề tương đối thống nhất giữa các tài liệu nghiên cứu là khoảng cách thu nhập giữa người giàu và người nghèo trong xã hội có chiều hướng gia tăng đáng kể. Vấn đề này càng đậm nét hơn trong tương quan so sánh giữa khu vực đô thị và nông thôn.

Chỉ tiêu để đo sự chênh lệch nghèo khổ thường được sử dụng là tỷ lệ thu nhập của 20% thuộc hộ nghèo nhất với 20% thuộc hộ giàu nhất và được gọi là số thu nhập bình quân, độ chênh lệch này càng lớn thì khoảng cách giàu nghèo càng tăng.

2. Thực trạng và nguyên nhân đói nghèo ở Việt Nam

a/ Thực trạng đói nghèo ở Việt Nam

+ So sánh quốc tế:

Báo cáo về tình hình phát triển thế giới năm 1995 của Ngân hàng thế giới cho thấy Việt Nam ở vị trí thứ 5 kể từ nước nghèo nhất thế giới, tức là đứng trên Mozambique, Ethiopia, Sierra Leon, nhưng đến năm 1997, Việt Nam đã được nâng lên vị trí thứ 15 trong số 49 nước có thu nhập thấp nhất thế giới. Nếu lấy chỉ số phát triển con người (HDI) năm 1996 thì Việt Nam được tổ chức Liên hợp quốc xếp như sau:⁹ Về GDP xếp thứ 153/173, giáo dục: 102/173; tuổi thọ bình quân: 135/173. Nếu so sánh với ranh giới nghèo khổ của thế giới thì khoảng cách cũng giảm xuống rõ rệt. Năm 1995 ranh giới nghèo khổ được xác định là 695 USD, giá trị 170 USD của Việt Nam thấp hơn 4 lần, nhưng đến năm 1997, với ranh giới nghèo khổ của thế giới là 765 USD, thì giá trị 240 USD của Việt Nam chỉ còn thấp hơn 3 lần.

+ Thực trạng ở Việt Nam

Hệ thống số liệu khảo sát điều tra cho ta thấy rõ thêm tiến bộ kinh tế của Việt Nam theo chỉ số bình quân thu nhập đầu người. Thứ nhất mức lương thực bình quân đầu người tăng tỉ lệ thuận với các năm trong thời kỳ Đổi mới: 349 kg(1992); 359kg (1993); 361kg (1994); 372kg (1995); 390kg (1996). Thứ hai mức thu nhập bình quân đầu người tháng cũng tăng liên tục: 168.100đ (1994); 206.100đ (1995); 226.700đ (1996)¹⁰

Như vậy, rõ ràng sau hơn 10 năm Đổi Mới, Việt Nam đã tự thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội cuối thập kỷ 80 vừa qua và đã tạo ra sự thay đổi mang tính chất bước ngoặt trên con đường xóa đói, giảm nghèo. Nhưng xét trong tương quan so sánh quốc tế thì cho đến nay, Việt Nam vẫn thuộc nhóm nghèo nhất thế giới. Riêng về lương thực, đến năm 1996 tuy đã đạt bình quân 390kg/người, nhưng vẫn chưa đạt đến mức an toàn lương thực tối thiểu theo chỉ tiêu mà FAO đưa ra - 500kg, khoảng sai lệch đến 1,28 lần. Nếu lấy giá trị 700USD/năm là đường ranh giới nghèo khổ của thế giới thì thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam vẫn còn khoảng sai lệch thấp hơn 3,5 lần, bởi vì mới chỉ đạt 226.700đ/người. Vị trí của Việt Nam cho đến nay vẫn dưới ranh giới nghèo khổ của thế giới xấp xỉ 3 lần.

Góp phần nhận diện thực trạng đói nghèo ở nước ta, nhiều công trình nghiên cứu đã đi sâu phân tích quá trình chuyển đổi cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội, nhất là ở khu vực nông thôn, nơi chiếm tỷ lệ nghèo đói cao nhất so với cả nước. Theo Tô Duy Hợp "*Hậu quả tất yếu của quá trình tích cực chuyển sang cơ chế thị trường là sự tăng trưởng phân tầng mức sống giàu - nghèo ở nông thôn. Nhìn chung có sự tương ứng giữa mức độ năng động thị trường, mức độ phi nông nghiệp hóa với mức độ phân tầng mức sống giữa các hộ gia đình,*

⁹ Theo chỉ số này lớn nhất là 1, bé nhất là 0, thì Việt Nam là 0.46

¹⁰ Tô Duy Hợp: Báo cáo khoa học: *Phân tầng thu nhập và phân hóa giàu nghèo ở nông thôn trong thời kỳ đổi mới- thực trạng và giải pháp tháo gỡ*. Hà Nội, 11/1998. tr.4.

làng xã, vùng miền nông thôn"¹¹. Theo tác giả nếu chia mức sống ở nông thôn hiện nay theo 5 mức chính: Giàu có, khá giả, đủ ăn, thiếu ăn và nghèo đói thì ở một số khu vực nông thôn thời điểm cuối năm 1992, tỷ lệ nghèo đói là khá cao. Ví dụ, ở xã Cao Sơn (Đà Bắc - Hòa Bình) có 10-15% hộ đủ ăn, 60% hộ thiếu ăn 2 tháng/năm, 26-30% hộ thiếu ăn 3 tháng trở lên, một nửa trong số đó nghèo đói thật sự. Ở xã Tân Dân (Hoành Bồ - Quảng Ninh) kết quả điều tra cũng cho con số 13,84% hộ thiếu ăn, 42,56% hộ đói¹². GS. Đỗ Nguyên Phương trong nghiên cứu về Phân tầng xã hội đưa ra số liệu cả nước có từ 21,96% đến 23,61% ở nông thôn và 8,11% ở đô thị còn sống ở mức nghèo tuyệt đối; mức thiếu đói ở trong cả nước có tỷ lệ 16,30% đến 20,50% ở nông thôn và 4,26% ở đô thị, đói gay gắt chiếm tỷ lệ 5,7 đến 7,96% ở nông thôn và 4,42% ở đô thị.¹³

Số liệu của Ủy ban Kế hoạch nhà nước và Tổng cục Thống kê kết hợp với UNDP và SIDA trong sự so sánh nghèo đói theo 7 vùng địa lý cho kết quả:

- Bắc Trung Bộ là vùng nghèo nhất: 71%, Vùng núi phía Bắc : 59%. Hai vùng này chiếm 40% người nghèo cả nước mặc dù dân số chỉ chiếm 29% tổng dân số.

- Đông Nam Bộ là vùng có tỷ lệ nghèo đói thấp nhất: 33%

- 4 vùng khác đều ở mức trên dưới tỷ lệ trung bình toàn quốc: 48-50%

- Người nghèo chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn (90%). Trong đó các hộ nông dân chiếm hơn 70%. Phạm vi nghèo đói ở nông thôn cao gấp 2 lần so với đô thị (57%; 27%). Các dân tộc thiểu số (trừ người Hoa) có tỷ lệ nghèo đói cao hơn mức trung bình toàn quốc: Người Tày: 60%, Người H'mông: 100%. Ngược lại tỉ lệ nghèo đói trong công nhân viên chức nhà nước rất thấp: dưới 2%

Dự án nghiên cứu "Cải thiện nhà ở và môi trường của người nghèo đô thị" Tác giả Trịnh Duy Luân đã cho ta thấy bức tranh về người nghèo đô thị¹⁴.

- Quy mô trung bình của hộ nghèo: 3,7 người (thấp hơn hẳn nông thôn) thấp hơn so với trong toàn thành phố: ở nội thành 3,9 người. Lý do vì trong số các hộ nghèo có tỉ lệ cao số người già độc thân.

- Kiểu loại gia đình: Gần 1/3 số gia đình nghèo thuộc loại không đầy đủ, trong đó 1/4 trên toàn mẫu là các gia đình khuyết chồng. Những gia đình khuyết chồng luôn luôn chiếm tỉ lệ cao hơn các nhóm khác ở mức nghèo nhất.

- Gia đình một thế hệ: Chiếm 43,8% ở mức nghèo nhất và là cao nhất so với các kiểu gia đình khác.

- Về độ tuổi tác giả cho thấy "nhóm người già, người về hưu thường chiếm tỉ lệ cao trong số những người nghèo".

"Các hộ nghèo và rất nghèo tập trung nhiều hơn vào nhóm người già độc thân, khuyết chồng, một thế hệ, không có cặp vợ chồng nào, và về vị trí địa lý thường tập trung cao hơn ở các khu cư trú lâu đời ở trung tâm hoặc gần trung tâm (Hoàn Kiếm, Đống Đa)".

¹¹ Tô Duy Hợp: *Cơ cấu xã hội nông thôn trong thời kỳ đổi mới hiện nay..* trong cuốn *Về sự phân tầng xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay*, Hà Nội, tr.112

¹² Sách đã dẫn, tr.113

¹³ Đỗ Nguyên Phương: Sách đã dẫn, tr. 7-8

¹⁴ Trịnh Duy Luân "*Một số đặc điểm về kinh tế xã hội và nhà ở của người nghèo đô thị*", Tạp chí Xã hội học số 4/1994

- Mặc dù ở thành phố thủ đô, trong số các gia đình nghèo vẫn có một tỉ lệ cao những người mù chữ (27,1%). Đại bộ phận còn lại có văn hóa cấp I, II.

Thu nhập bình quân đầu người/tháng của người nghèo đô thị là 88.740 đồng và 1.064.800 người/năm (xấp xỉ mức thu nhập bình quân đầu người/năm của người nghèo cả nước theo tiêu chuẩn của Liên Hợp quốc quy định¹⁵. Nhưng thấp hơn so với mức thu nhập bình quân đầu người/năm dành cho thành thị: 1.342.000đ (ở khu vực nông thôn là 1.054.000đ).

Thực trạng đói nghèo trong các năm từ 1989, 1990, 1991, 1992 và đầu năm 1993 qua các số liệu thu thập được, đối chiếu với những số đo đã được xác định theo quan điểm nghiên cứu của Nguyễn Thị Hằng cho những số liệu sau:

- Nghèo tuyệt đối (dưới mức 15kg gạo/người/tháng) ở nông thôn chiếm từ 29,96% đến 35,61%; đô thị chiếm 8,11%.

- Nghèo tương đối (dưới mức trung bình tại địa phương) ở nông thôn chiếm tới 57,56%; đô thị là 42,87%.

- Thiếu đói kinh niên (dưới 12kg gạo/người/tháng) ở nông thôn chiếm từ 16,30% đến 20,05%; đô thị là 6,45%.

- Đói gay gắt kinh niên (đói từ 3-6 tháng dưới mức 8kg gạo) ở nông thôn chiếm từ 5,7%-7,96%; đô thị là 4,42%¹⁶

b. Nguyên nhân của nghèo đói

Có nhiều ý kiến khác nhau xung quanh việc xác định nguyên nhân của đói nghèo. Tổ chức Liên Hợp Quốc tại Việt Nam sau khi nghiên cứu đã đi đến kết luận: "...Có nhiều nguyên nhân gây ra tình trạng đói. Trong đó 5 nguyên nhân thường xuyên tác động lẫn nhau gây nên tình trạng đói nghèo ở Việt Nam là: 1) sự cách biệt, cả về địa lý xã hội lẫn tri thức; 2) rủi ro quá cao do mất mùa, bệnh tật, sinh con ngoài ý muốn, hoặc gia súc gia cầm bị chết; 3) thiếu nguồn lực sản xuất thích hợp do thiếu lao động, đất đai hoặc vốn; 4) thiếu khả năng duy trì bền vững, chủ yếu do rừng bị thu hẹp lại; và 5) thiếu sự tham gia thoả đáng vào các chương trình của chính phủ"¹⁷.

Các cuộc khảo sát, nghiên cứu khác cũng nêu lên các nguyên nhân dẫn đến đói nghèo như: do sự trở ngại về địa lý và sự phát triển thấp kém của địa phương; do thiếu việc làm, đông con, thiếu vốn, ốm đau, rủi ro, do hậu quả của chiến tranh; do tiêu cực, lười biếng... Đề tài khoa học - công nghệ cấp nhà nước KX-07-05 "*Những đặc trưng và xu thế phát triển cơ cấu xã hội Việt Nam đang đổi mới*" đã đưa ra các nguyên nhân dẫn tới nghèo đói sau đây (theo thứ tự % người trả lời): 1) Thiếu vốn: 70-90%; 2) Đông con: 50-60%; 3) Thiếu kinh nghiệm làm ăn: 40-50%; 4) Thiếu ruộng, thiếu việc làm: 10-30%; 5) Gặp rủi ro, đau ốm: 10-15%; 6) Neo đơn, thiếu lao động: 5-10%; 7) Lười lao động, lãng phí: 5-6%; 8) Tệ nạn xã hội: 2-3%.

Công trình chuyên khảo "*Giàu nghèo ở nông thôn hiện nay*" do Nguyễn Văn Tiêm chủ biên¹⁸ đã nêu lên tình trạng giàu nghèo và những nguyên nhân nảy sinh nghèo đói ở nông

¹⁵ Việt Nam đánh giá tình trạng nghèo đói và chiến lược phát triển, 1995

¹⁶ Nguyễn Thị Hằng, sách đã dẫn, tr.72

¹⁷ Liên Hiệp Quốc: *Xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam*: Hà Nội tháng 10/1995, tr i.

¹⁸ Nguyễn Văn Tiêm, sách đã dẫn.

thôn trên cơ sở số liệu điều tra ở 9 tỉnh chính và 8 tỉnh phụ điểu đại diện cho các vùng cả nước. Những nguyên nhân cơ bản bao gồm:

- Do thiếu vốn sản xuất
- Do không có kinh nghiệm làm ăn
- Do thiếu việc làm
- Do đất đai canh tác ít
- Do đông nhân khẩu, ít người làm

Phân tích về nguyên nhân dẫn đến nghèo đói, các công trình nghiên cứu có đề cập đến sự khác biệt, tính trội theo các vùng, các nhóm dân cư, khu vực khi chịu tác động của những nguyên nhân đó. Có ý kiến đưa ra các nhóm nguyên nhân và trong mỗi nhóm nguyên nhân lại bao gồm những nguyên nhân cụ thể, đó là:

Nhóm 1: Bao gồm những nguyên nhân chủ quan như không biết cách làm ăn, thiếu vốn, đông con, thiếu lao động, lãng phí, lười biếng, mắc vào tệ nạn xã hội.

Nhóm 2; Do những nguyên nhân khách quan như đất canh tác thiếu và xấu, bất lợi về địa lý, thời tiết không thuận lợi.

Nhóm 3: Cũng như nhóm 2 do các nguyên nhân tổng hợp hơn như các thể chế xã hội, chính sách, cơ chế sản xuất và quản lý lạc hậu.

Trong quá trình phân tích nguyên nhân nghèo đói ở Việt Nam có tác giả đề cao nhóm nguyên nhân này, có tác giả đề cao nhóm nguyên nhân khác. Tác giả Nguyễn Thị Thơm cho rằng : "...Do gia tăng dân số nhanh, rủi ro trong kinh doanh, trong cuộc sống, lười lao động, cờ bạc nghiện hút... Tuy nhiên đây không phải là nguyên nhân chủ yếu, cái chính vẫn là do năng lực sản xuất và kinh doanh của mỗi chủ thể, mỗi hộ".¹⁹ Hoặc trong kết quả nghiên cứu định tính do PGS Tô Duy Hợp tiến hành ở nhiều cộng đồng làng xã thuộc đồng bằng sông Hồng cho thấy nguyên nhân chính do tính năng động thị trường yếu kém, mà chủ yếu: "do không biết tính toán làm ăn", "không có gan làm giàu", "tâm lý trọng nông", "không có học vấn hoặc học vấn thấp", "truyền thống gia đình", "truyền thống làng xã"...

Kết quả điều tra xã hội học của đề tài KX04-02 cho thấy mặc dù ở nông thôn Hải Hưng thu nhập chỉ bằng một nửa Cần thơ nhưng trả lời câu hỏi: "*Bạn có hài lòng với công việc của mình không?*" thì có tới 75% trả lời "có". Tỷ lệ này ở Cần thơ chỉ có 16%, và cũng có tới 74,1% cho rằng nghề nông là căn bản, chỉ có 23% trả lời muốn tìm việc khác... Với một tâm thế của người nông dân như vậy, khó có thể nói đến chuyện chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở nông thôn đồng bằng sông Hồng.

3. Vấn đề xóa đói giảm nghèo ở nước ta, thực tiễn và các giải pháp.

Xóa đói giảm nghèo là mục tiêu chính của chính sách phát triển tại Việt Nam. Báo cáo của Chính phủ Việt Nam về phát triển xã đã nêu rõ: Việt Nam phấn đấu từ nay đến năm 2000 sẽ xóa hết hộ đói, cải thiện đời sống để thu hẹp dần các hộ thuộc diện nghèo. Phấn đấu đến năm 2010 có thể xóa hết các hộ nghèo. Những năm gần đây, vấn đề xóa đói giảm nghèo trở thành vấn đề được quan tâm trong toàn xã hội. Các cơ quan lãnh đạo ở một số tỉnh đã lập ra ban chỉ đạo xóa đói giảm nghèo và đạt được những kết quả nhất định. Các phương tiện thông tin đại chúng góp phần cung cấp và lưu chuyển các thông tin về nghèo đói và vấn đề

¹⁹ Tạp chí Phát triển kinh tế số 99 tháng 1/1999, ThS. Nguyễn Thị Thơm "*Giàu nghèo ở nông thôn - Xu hướng và giải pháp*" tr.16

xóa đói giảm nghèo. Một số tổ chức như Ngân hàng Thế giới (WB), UNDP, UNICEF, SIDA đã giúp chúng ta tiến hành điều tra, đánh giá tình trạng nghèo khổ... Tuy nhiên, để giải quyết vấn đề giàu nghèo đạt kết quả đúng cần có chủ trương và những giải pháp đồng bộ.

Những nghiên cứu về nghèo đói trong thời gian qua về các nguyên nhân giàu nghèo đều đề cập tới những tác động của quá trình Đổi Mới đối với sự phân tầng xã hội, phân tầng mức sống. Khẳng định sự phân hóa giàu nghèo là hậu quả tất yếu của quá trình chuyển đổi cơ cấu xã hội, của nền kinh tế thị trường và chỉ ra nghèo đói là lực cản của sự phát triển xã hội. Quá trình xóa đói giảm nghèo vì thế nằm trong quá trình thúc đẩy xã hội phát triển với mục đích dân giàu, nước mạnh. Các giải pháp xóa đói giảm nghèo, nhất là đối với khu vực nông thôn được đưa ra như sau:

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn: giải pháp này vừa có tính cấp bách để xóa đói giảm nghèo vừa mang tầm chiến lược cho sự phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng chuyển nền kinh tế thuần nông tự cấp tự túc sang nền kinh tế hàng hóa, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Các giải pháp về đất đai và tư liệu sản xuất cho hộ nghèo. Giải pháp này nhằm khắc phục những khó khăn về đất canh tác. Đối với những địa phương có khó khăn về quỹ đất thì cần tổ chức khai hoang, tổ chức động viên các hộ nghèo đến sản xuất và sinh sống ở những vùng đất mới theo các kế hoạch di dân của nhà nước. Tạo điều kiện cho các hộ nghèo có đủ tư liệu sản xuất để lao động và phát triển các ngành nghề mới cũng là biện pháp quan trọng nhằm xóa đói giảm nghèo.

- Về chính sách cho vay vốn đối với người nghèo. Vốn là nguồn lực rất quan trọng đối với nông dân nói chung và các hộ nghèo nói riêng. Phương pháp đầu tư bằng chính sách tín dụng cho hộ nghèo là phương pháp có hiệu quả nhất. Đại hội VIII của Đảng nêu rõ: "*Mở rộng các quỹ tín dụng cho các hộ nghèo vay vốn sản xuất với lãi suất ưu đãi. Các hộ nghèo được Ủy ban nhân dân xã, phường chứng nhận được vay vốn không phải thế chấp... bảo đảm 90-95% số hộ nghèo được vay vốn sản xuất trong đó các hộ thuộc đối tượng chính sách, các hộ đói nghèo nhất được ưu tiên vay trước*".

Việc hoạch định chính sách trợ vốn cho hộ nghèo cần bám sát các định hướng về đối tượng vay, về nguồn vốn, về mức vay, về lãi suất, thời hạn vay về cơ chế quản lý nguồn vốn và kết hợp với công tác chuyển giao công nghệ nhằm đạt hiệu quả tốt nhất cho mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

- Chính sách đào tạo và chuyển giao công nghệ. Là giải pháp nhằm giúp đỡ cho các hộ nghèo những kinh nghiệm sản xuất, tiếp thu những thành tựu khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động.

- Chính sách đầu tư kết cấu hạ tầng cho các xã và các địa phương nghèo, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa.

- Chính sách về y tế, giáo dục và một số giải pháp xã hội khác như dân số và kế hoạch hóa gia đình, bài trừ tệ nạn xã hội...

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của Đảng và Nhà nước, của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể bao gồm: nâng cao trách nhiệm của các đoàn thể về xóa đói giảm nghèo, nhằm từng bước xã hội hóa công tác xóa đói giảm nghèo.

Tổ chức Liên Hợp quốc cho rằng chiến lược giảm đói nghèo ở Việt Nam gồm có 3 yếu tố chính: 1/Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế; 2/ cung cấp đầy đủ các dịch vụ xã hội đặc biệt là giáo dục và y tế (chăm sóc sức khỏe, kế hoạch hóa gia đình) đầu tư vào nguồn nhân lực; 3/ Hạn chế rủi ro: tai nạn, lũ lụt, hạn hán.

Đưa ra giải pháp xóa đói giảm nghèo vẫn còn nhiều ý kiến chưa thống nhất, thậm chí còn trái ngược nhau: ví dụ nhóm tác giả Đào thế Tuấn, Tương Lai... cho rằng cần thúc đẩy quá trình tích tụ ruộng đất để đủ điều kiện xây dựng mô hình kinh tế trang trại. Song bên cạnh đó có nhóm tác giả khác (chủ yếu các nhà nghiên cứu kinh tế) lại cho rằng nguyên nhân thiếu đất dẫn đến nghèo đói, vì vậy nhà nước cần có sự hỗ trợ để người nghèo có thể chuộc lại đất canh tác. Thậm chí có tác giả còn kiến nghị nhà nước bỏ tiền mua lại đất và phân phát lại cho người nghèo... Tất cả những quan điểm trên đều được đặt ra để tiếp tục xem xét, sao cho phù hợp với mức độ phát triển kinh tế- xã hội của đất nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Công ty ADUKI : *Vấn đề nghèo ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
2. Nguyễn Thị Hằng: *Vấn đề xóa đói giảm nghèo ở nông thôn nước ta hiện nay*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
3. *Giàu nghèo trong nông thôn hiện nay*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội, 1993.
4. *Về sự phân tầng xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay*, Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước KX07 đề tài KX 07-05, Hà Nội, 1994.
5. Đỗ Thị Bình - Lê Ngọc Lân: *Phụ nữ nghèo nông thôn trong điều kiện kinh tế thị trường*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
6. *Khảo sát nghèo đói ở Việt Nam*, 10-1992 - 10,1993, Ủy ban Khoa học Nhà nước và Tổng cục thống kê, UNDP và SIDA.
7. *Hộ gia đình Việt Nam nhìn qua phân tích định lượng*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999
8. Tô Duy Hợp: *Thực trạng và xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội nông thôn trong thời kỳ đổi mới hiện nay*, Tạp chí Xã hội học số 4 - 1993.
9. *Điều tra mức sống Việt Nam 1992-1993*
10. *Việt Nam đánh giá tình trạng nghèo đói và chiến lược phát triển 1995* UNDP.
11. *Xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam* UNDP 1995
12. Trịnh Duy Luân: *Một số đặc điểm kinh tế - xã hội và nhà ở của người nghèo đô thị*. Tạp chí Xã hội học số 4/1994.
13. Tương Lai: *Khảo sát xã hội học về phân tầng xã hội*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1995.
14. Liên Hợp Quốc: *Tiến kịp. Phát triển năng lực để xóa nghèo ở Việt Nam* UNDP UNICEF. Hà Nội 1996